

Số: 03/2025/QĐST-HNGĐ

L, ngày 13 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 209/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, về việc “tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị N T L, sinh năm 1987

Địa chỉ: khu Ao Bon, xã S, huyện L, tỉnh T

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thắm-Trợ giúp viên pháp lý- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.

- *Bị đơn*: Anh H V L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: khu Ao Bon, xã S, huyện L, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 5 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Tuyết và anh Nguyễn Đức Việt.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về con chung*: Chị N T L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là H T V, sinh ngày 20/07/2017, anh H V L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là H M L, sinh ngày 11/02/2007, kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Luyện, anh Lại cùng các thành viên gia đình không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí*: Chị N T L và anh H V L đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đều có đơn xin miễn

án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Thi hành án DS huyện L;
- UBND xã S;
- Lưu HS;
- Lưu VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo